TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2024/DSST
Ngày: 01/4/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Tiến Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Tý.

2/ Bà Bùi Diệu Huệ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân: bà Từ Ngọc Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 733/2023/TLST-DS ngày 12/12/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định xét xử số 60/2024/QĐXXST-DS ngày 01/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty M; địa chỉ: đường CMTT, phường BT, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: bà Mai Thị L. *(Có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: đường PXL, phường B, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm; 1973. *(Có đơn xin vắng mặt)*

địa chỉ: đường N, phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/5/2023 lời khai trong quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/07/2013, bà Nguyễn Thị Bích T và Công ty P(Nay đổi tên thành Công ty S) sau đây gọi tắt là "Công ty SVFC", có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10500718 với bà Nguyễn Thị Bích T. Theo nội dung của hợp đồng thì bà Nguyễn Thị Bích T có vay số tiền 65.000.000 đồng với lãi suất là 30,5%/1 năm và thời hạn vay là 48 tháng và ngày 18/7/2016 bà Nguyễn Thị Bích T đã được giải ngân số tiền trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày trả nợ cuối cùng là ngày 01/6/2016 thì bà T đã thanh toán được số tiền 81.642.900 đồng (Tiền gốc là 39.110.600 đồng và tiền lãi là 42.532.300 đồng) và nợ lại tiền vốn gốc là 25.889.400 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày

01/6/2016. Đến ngày 09/9/2022, Công ty SVFC ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION- SVFC với Công ty M (Gọi tắt là Công ty VID). Theo thỏa thuận, Công ty SVFC đã chuyển nhượng cho Công ty VID nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm Hợp đồng tín dụng số 10500718 của bà Nguyễn Thị Bích T. Sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, Công ty SVFC đã có văn bản xác nhận đã chuyển nhượng các khoản nợ trên cho Công ty VID, kể từ ngày 09/9/2022 Công ty VID có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc khởi kiện đòi nợ tại Tòa án.

Do đó ngày 10/5/2023 Công ty VID đã khởi kiện bà Nguyễn Thị Bích T với yêu cầu là: đề nghị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh buộc bà Nguyễn Thị Bích T buộc phải trả tiền vốn gốc là 25.889.400 đồng và tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn là 101.097.715 đồng tính đến ngày 27/02/2024.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã nhiều lần tiến hành triệu tập bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích T và tại bản tự khai ngày 27/02/2024 bà Nguyễn Thị Bích T khai thừa nhận còn nợ bên phía nguyên đơn số tiền gốc là 25.889.000 đồng, bà yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án. Bà chỉ đồng ý trả tiền gốc là 25.889.000 đồng (Mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi hết nợ) cho bên nguyên đơn và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu về việc chấp hành đúng quy định tại bộ luật tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Về thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Ngày 18/07/2013, Bà Nguyễn Thị Bích T và Công ty SVFC có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10500718 (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng tín dụng"). Thông tin chi tiết của khoản vay như sau: Số tiền cho vay: 65.000.000đ; mục đích vay: vay tiêu dùng; ngày rút vốn : 18/07/2013; thời hạn vay : 48 tháng; lãi suất: 30,5%/năm; lãi phạt : Bằng 150% của lãi suất; nợ gốc và nợ lãi được trả thành: 48 kỳ; phương thức vay: tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã thanh toán cho Công ty SVFC tổng số tiền là: 81.642.900 đồng (Bằng chữ: Tám mươi mốt triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, chín trăm đồng), đến năm 2017 thì bà T không còn khả năng thanh toán và dừng việc thanh toán cho đến nay. Bà T còn nợ số tiền gốc là: 25.889.400 đồng.

Ngày 09/9/2022, Công ty SVFC ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION- SVFC với Công ty VID. Theo thỏa thuận, Công ty SVFC đã chuyển nhượng cho Công ty VID nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm Hợp đồng tín dụng số 10500718 của bị đơn. Sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, Công ty SVFC đã có văn bản xác nhận đã chuyển nhượng các khoản nợ trên cho Công ty VID, kể từ ngày 09/9/2022 Công ty VID có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc khởi kiện đòi nợ tại Tòa án.

Xét Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION giữa Công ty SVFC với Công ty VID là phù hợp quy định tại Điều 450 BLDS, do đó Công ty VID có quyền khởi kiện bà T yêu cầu trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Về yêu cầu áp dụng thời hiệu của bà T, thấy rằng: Điều 429 BLDS quy định: *"Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm"*. Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Công ty SVFC và bà T có thời hạn 48 tháng tính từ ngày rút vốn là 18/07/2013 đến 01/7/2017. Đến kỳ thanh toán ngày 01/6/2016 thì bà T ngừng thanh toán cho đến nay, do đó Công ty SVFC đã phải biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm từ ngày 01/6/2016 hoặc khi hết hạn hợp đồng vào ngày 18/7/2017. Tuy nhiên từ thời điểm hết hạn hợp đồng Công ty SVFC không khởi kiện mà đến ngày 09/9/2022 Công ty SVFC đã bán quyền đòi nợ này cho Công ty VID. Đến ngày Công ty VID khởi kiện thì đã quá 3 năm kể từ khi hết hạn hợp đồng nên thời hiệu khởi kiện không còn, việc bà T yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng thời hiệu khởi kiện, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi.

Đối với số tiền nợ gốc, căn cứ khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, do đó, Công ty VID có thể khởi kiện đối với việc buộc bà T trả lại số tiền nợ gốc là 25.889.400 đồng, bà T có ý kiến đồng ý trả số tiền nợ gốc này nên có cơ sở chấp nhận. Đề nghị HĐXX xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp đòi tài sản.

Từ những phân tích trên, căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ Luật dân sự năm 2015, đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số nợ gốc là 25.889.400 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 18/07/2013, Công ty SVFC có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10500718 với bà Nguyễn Thị Bích T. Sau đó ngày 09/9/2022 Công ty SVFC ký hợp đồng mua bán nợ với Công ty VID. Sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, Công ty SVFC đã có văn bản xác nhận đã chuyển nhượng các khoản nợ trên cho Công ty VID, kể từ ngày 09/9/2022 Công ty VID có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc khởi kiện đòi nợ tại Tòa án. Theo quy định tại Điều 450 Bộ Luật dân sự năm 2015 thì Công ty VID có quyền khởi kiện với bà Nguyễn Thị Bích T để buộc trả khoản nợ mà bên nguyên đơn đã mua.

Ngày 10/5/2023 Công ty VID khởi kiện bà Nguyễn Thị Bích T để yêu cầu trả tiền gốc và lãi của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10500718, ngày 27/02/2024 bà Nguyễn Thị Bích T yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án. Căn cứ hợp đồng tín dụng thì thời hạn của hợp đồng 48 tháng (4 năm) từ ngày các bên giao kết hợp đồng là ngày 18/07/2013. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà

Nguyễn Thị Bích T đã vi phạm hợp đồng từ ngày 18/7/2017 nhưng Công ty SVFC không khởi kiện để yêu cầu buộc trả tiền vay và tiền lãi. Đến ngày 09/9/2022 Công ty SVFC bán khoản nợ trên cho Công ty VID và sau đó bên nguyên đơn mới đi khởi kiện. Căn cứ Điều 429 Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định: *"Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm"*. Hội đồng xét thấy ngày 18/7/2017 là thời điểm bà Nguyễn Thị Bích T vi phạm hợp đồng và bên phía người có quyền khởi kiện buộc phải biết vào thời điểm trên quyền và lợi ích hợp pháp của mình đã bị xâm phạm để thực hiện quyền khởi kiện của mình nhưng đến ngày 09/9/2022 Công ty SVFC mới bán khoản nợ trên cho Công ty VID và ngày 10/5/2023 thì nguyên đơn mới đi khởi kiện. Thời gian xác định quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm từ ngày 18/7/2017 đến ngày 10/5/2023 là 05 năm 10 tháng, do đó thời hiệu yêu cầu đối với việc tranh chấp hợp đồng tín dụng số 10500718 giữa Công ty SVFC với bà Nguyễn Thị Bích T đã hết. Tuy nhiên căn cứ khoản 2 Điều 155 Bộ Luật dân sự năm 2015 thì việc yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu đối với số tiền gốc là 25.889.400 đồng là không tính thời hiệu khởi kiện. Do đó Công ty VID được quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích T phải trả lại khoản tiền trên và quan hệ tranh chấp giữa hai bên chuyển thành "Kiện đòi tài sản" theo quy định tại Điều 166 Bộ Luật dân sự năm 2015. Theo quy định thì việc khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đã hết nhưng để giải quyết vụ án được nhanh chóng, chính xác, triệt để vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chuyển quyền yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền gốc từ hợp đồng tín dụng thành việc kiện đòi lại tài sản để giải quyết dứt điểm vụ án trên.

Bà Nguyễn Thị Bích T có địa chỉ tại: đường N, phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Xét yêu cầu của đương sự:

Như đã phân tích ở trên do thời hiệu khởi kiện của việc tranh chấp hợp đồng tín dụng số 10500718 giữa Công ty SVFC với bà Nguyễn Thị Bích T đã hết. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi.

Đối với số tiền gốc mà Công ty VID yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích T trả, Hội đồng xét xử xét thấy đây là yêu cầu chính đáng, cần buộc bà Nguyễn Thị Bích T trả lại cho nguyên đơn. Do đó bà Nguyễn Thị Bích T phải trả lại số tiền 25.889.400 đồng cho Công ty M ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

Do bà Nguyễn Thị Bích T phải trả khoản tiền là 25.889.400 đồng cho Công ty M nên bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí có giá ngạch là 1.294.470 (Một triệu hai trăm chín tư nghìn bốn trăm bảy mươi) đồng.

Hoàn lại cho Công ty M số tiền tạm ứng án phí là 2.665.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0022017 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 217, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 155, Điều 166, Điều 357, Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Bích T phải trả khoản tiền là 25.889.400 (Hai mươi lăm triệu tám trăm tám chín nghìn bốn trăm) đồng cho Công ty M ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty M có đơn yêu cầu thi hành án thì bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Bích T phải trả khoản tiền lãi là 101.097.715 đồng cho Công ty M.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bà Nguyễn Thị Bích T phải trả khoản tiền là 25.889.400 đồng cho Công ty M nên bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí có giá ngạch là 1.294.470 (Một triệu hai trăm chín tư nghìn bốn trăm bảy mươi) đồng.

Hoàn lại cho Công ty M số tiền tạm ứng án phí là 2.665.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0022017 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Bình Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA